Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: Văn phòng HĐND và UBND Xã Nguyễn Nghiêm
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ giao nhận trực tuyến

Mẫu số 09
Mã hiệu: .....
Số: .....

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán/uỷ nhiệm chi số 13 ngày 05 tháng 9 năm 2025)

Tài khoản dự toán [X] **Tài khoản tiền gửi** [ ]

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Xã Nguyễn Nghiêm
2. Mã đơn vị: 1162868
3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Đức Phổ, số TK 000002348504

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Chi lương CB, CC VP HĐND&UBND xã tháng 09/2025

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó							Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo HĐ	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán	Tiền học bổng	
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
	Tổng số			**118.955.187**	**118.955.187**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
I	**Đối với cán bộ, công chức**			**118.955.187**	**118.955.187**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	Nguyễn Trung Trực	000009846652	Seabank PGD Đức Phổ	10.906.155	10.906.155	-	-	-		-	-	
2	Phan Tiến Định	43300014494890	Seabank PGD Đức Phổ	11.269.557	11.269.557	-	-	-		-	-	
3	Huỳnh Thanh Thao	43100014298557	Seabank PGD Đức Phổ	10.702.692	10.702.692	-	-	-		-	-	
4	Nguyễn Tấn Mạnh	43300014494904	Seabank PGD Đức Phổ	12.161.448	12.161.448	-	-	-		-	-	
5	Lữ Thiện Nguyên	000002045951	Seabank PGD Đức Phổ	8.458.749	8.458.749	-	-	-		-	-	
6	Lê Văn Thuận	000006842487	Seabank PGD Đức Phổ	9.350.640	9.350.640	-	-	-		-	-	
7	Trần Duy Khánh	000008741157	Seabank PGD Đức Phổ	12.567.555	12.567.555	-	-	-		-	-	

Scanned with CamScanner

8	Đặng Thị Thuỳ Thanh	43300014494899	Seabank PGD Đức Phổ	9.701.991	9.701.991	-	-	-		-	-	
9	Đỗ Thị Thùy Tính	43300014483268	Seabank PGD Đức Phổ	10.593.882	10.593.882	-	-	-		-	-	
10	Trần Hồng Na	000007339650	Seabank PGD Đức Phổ	6.324.318	6.324.318	-	-	-		-	-	
11	Nguyễn Văn Tùng	000007339936	Seabank PGD Đức Phổ	8.108.100	8.108.100							
12	Huỳnh Văn Nhật	43300014494920	Seabank PGD Đức Phổ	8.810.100	8.810.100							
II	**Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/ND-CP)**			-	-	-	-	-	-	-	-	
III	**Đối với lao động thường xuyên theo hợp đồng**			-	-	-	-	-	-	-	-	
IV	**Thanh toán cá nhân khác**									-	-	

Tổng số tiền bằng chữ: (Một trăm mười tám triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn một trăm tám mươi bảy đồng)

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước: Giảm 8.489.286đ (Võ Văn Dương xin nghi việc từ 01/9/2025) → nhắc đến chữ MM TL Bùn chế

Xã Nguyễn Nghiêm, ngày 05 tháng 9 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
Đặng Thị Kim Ngân	Đặng Thị Kim Ngân	Trần Duy Khánh

PHÒNG DIAO DỊCH SỐ 21 - KHO BẠC NHÀ NƯỚC KHU VỰC XV

Ngày ...5... tháng 9 năm 2025

Giao dịch viên	Trưởng phòng

Scanned with CamScanner

Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: Văn phòng HĐND và UBND Xã Nguyễn Nghiêm
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ giao nhận trực tuyến

Mẫu số 09
Mã hiệu: .....
Số: .....

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán/uỷ nhiệm chi số 15 ngày 05 tháng 9 năm 2025)

Tài khoản dự toán [X] **Tài khoản tiền gửi** [ ]

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Xã Nguyễn Nghiêm
2. Mã đơn vị: 1162868
3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Đức Phổ, số TK 000002348504

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Chi PC CB KCT thôn, ĐB HĐND xã tháng 09/2025

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó							Chi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo HĐ	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán	Tiền học bổng	
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
	Tổng số			67.538.250	0	0	0	0	67.538.250	0	0	
I	**Đối với cán bộ, công chức**											
II	**Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP)**			-	-	-	-	-	-	-	-	
III	**Đối với lao động thường xuyên theo hợp đồng**			-	-	-	-	-	-	-	-	
IV	**Thanh toán cá nhân khác**			67.538.250	0	0	0	0	67.538.250	0	0	
1	Nguyễn Thành Tân	000002623427	Seabank PGD Đức Phổ	5.499.000		-	-	-	5.499.000	-	-	
2	Nguyễn Tiến Thu	000009732269	Seabank PGD Đức Phổ	3.597.750		-	-	-	3.597.750	-	-	
3	Đinh Văn Sáu	000003538486	Seabank PGD Đức Phổ	4.797.000		-	-	-	4.797.000	-	-	
4	Nguyễn Văn Nam	000008144526	Seabank PGD Đức Phổ	2.983.500		-	-	-	2.983.500	-	-	

Scanned with CamScanner

5	Nguyễn Văn Nhân	000004945560	Seabank PGD Đức Phổ	5.382.000		-	-	-	5.382.000	-	-	
6	Huỳnh Ngọc Thanh	000002546724	Seabank PGD Đức Phổ	5.382.000		-	-	-	5.382.000	-	-	
7	Nguyễn Hữu Phước	000009147239	Seabank PGD Đức Phổ	3.597.750		-	-	-	3.597.750	-	-	
8	Nguyễn Thành Chinh	000002546819	Seabank PGD Đức Phổ	3.597.750		-	-	-	3.597.750	-	-	
9	Nguyễn Bình	4330001449913	Seabank PGD Đức Phổ	5.499.000					5.499.000			
10	Đặng Minh Đông	000002547239	Seabank PGD Đức Phổ	2.632.500					2.632.500			
11	Phạm Ngọc Thiện	000007243071	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
12	Nguyễn Thị Kim Ngân	000003851719	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
13	Lê Thị Hồng Diễm	43300014483252	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
14	Đinh Văn Hạnh	43300014483255	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
15	Trần Minh Cường	43300014483267	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
16	Nguyễn Tiến Quốc Hoàn	43300014483256	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
17	Đỗ Đức Vương	43300014450865	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
18	Phan Thị Vững	43300014483269	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
19	Võ Thị Ngọc Xuyến	43300014494915	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
20	Huỳnh Thị Lệ Thi	43300014494906	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
21	Lê Thị Mỹ Lộc	43300014494892	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
22	Phan Thị Thanh Hường	43300014494910	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
23	Nguyễn Thịnh	000003244594	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
24	Huỳnh Xuân Bình	000006140359	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
25	Nguyễn Thuận Cảnh	000000730132	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
26	Nguyễn Thanh Kiều	43300014483257	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
27	Nguyễn Trọng Sơn	43300014483265	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
28	Bùi Văn Vỹ	0988170295	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
29	Nguyễn Tiến Bảy	000000122460	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
30	Nguyễn Minh Đạo	000000122463	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			

Scanned with CamScanner

31	Nguyễn Bình	000000122476	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
32	Trần Thị Liễu	43300014483258	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
33	Huỳnh Quang Diệu	43300014494924	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
34	Trần Nhất Duy	00000840972	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
35	Lê Văn Nguyện	43300014494902	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
36	Huỳnh Tấn Phát	000003852167	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
37	Huỳnh Văn Thi	43300014494903	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
38	Đặng Phong Vũ	000001141709	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
39	Huỳnh Thị Lệ Trúc	000005247043	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
40	Huỳnh Ngọc Ánh	000002547237	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
41	Trần Văn Đông	000006140728	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
42	Nguyễn Thành Lưu	000002547238	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
43	Nguyễn Văn Đồng	43300014494893	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
44	Đoàn Thanh Trà	000005444689	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			
45	Huỳnh Thị Hằng	43300014494905	Seabank PGD Đức Phổ	702.000					702.000			

Tổng số tiền bằng chữ: (Sáu mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn hai trăm năm mươi đồng)

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước: Không có

Xã Nguyễn Nghiêm, ngày 05 tháng 9 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
Đặng Thị Kim Ngân	Đặng Thị Kim Ngân	Trần Duy Khánh

PHÒNG DIAO DỊCH SỐ 21 - KHO BẠC NHÀ NƯỚC KHU VỰC XV

Ngày ...5... tháng 9 năm 2025

Giao dịch viên	Trưởng phòng

Scanned with CamScanner

Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: Văn phòng HĐND và UBND Xã Nguyễn Nghiêm
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ giao nhân trực tuyến

Mẫu số 09
Mã hiệu: .....
Số: .....

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán/uỷ nhiệm chi số 14 ngày 05 tháng 9 năm 2025)

Tài khoản dự toán [X] **Tài khoản tiền gửi** [ ]

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Xã Nguyễn Nghiêm
2. Mã đơn vị: 1162868
3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Đức Phổ, số TK 000002348504

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Chi PC CB KCT xã, ĐB HĐND xã tháng 09/2025

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó							Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo HĐ	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán	Tiền học bổng	
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
	Tổng số			**13.197.600**	**0**	**0**	**0**	**0**	**13.197.600**	**0**	**0**	
I	**Đối với cán bộ, công chức**											
II	**Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP)**			-	-	-	-	-	-	-	-	
III	**Đối với lao động thường xuyên theo hợp đồng**			-	-	-	-	-	-	-	-	
IV	**Thanh toán cá nhân khác**			**13.197.600**	**0**	**0**	**0**	**0**	**13.197.600**	**0**	**0**	
1	Nguyễn Ngọc Nam	43300014483261	Seabank PGD Đức Phổ	4.808.700		-	-	-	4.808.700	-	-	
2	Nguyễn Dương Như Thúy	000009314745	Seabank PGD Đức Phổ	4.387.500		-	-	-	4.387.500	-	-	
3	Bùi Nguyễn Thanh Phương	00000205740	Seabank PGD Đức Phổ	4.001.400		-	-	-	4.001.400	-	-	

Tổng số tiền bằng chữ: (Mười ba triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm đồng)

Scanned with CamScanner

II. Phân thuyết minh thay đổi so với tháng trước: Không có

Xã Nguyễn Nghiêm, ngày 05 tháng 9 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
Đặng Thị Kim Ngân	Đặng Thị Kim Ngân	Trần Duy Khánh

PHÒNG DIAO DỊCH SỐ 21 - KHO BẠC NHÀ NƯỚC KHU VỰC XV

Ngày ..5.... tháng 9 năm 2025

Giao dịch viên	Trưởng phòng

Scanned with CamScanner

UBND XÃ NGUYỄN NGHIÊM
VP HĐND & UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP THÁNG 09 NĂM 2025
(Mức lương và phụ cấp theo nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính Phủ)
Văn phòng HĐND và UBND xã

Đơn vị tính: Đồng

TT	Họ Và Tên	Chức vụ	Hệ số				Lương tối thiểu	Tiền lương			Phụ cấp chức vụ			Phụ cấp thâm niên nghề			Phụ cấp công vụ	Tổng cộng còn thực nhận	Ghi chú
			Lương	PC chức vụ	PC TNN	PC công vụ		Số tiền được hưởng	Trừ 9,5% PC đóng BH	Còn thực nhận	Số tiền được hưởng	Trừ 9,5% PC đóng BH	Còn thực nhận	Số tiền được hưởng	Trừ 9,5% PC đóng BH	Còn thực nhận			
A	B	C	1	2	3	4	5	6=1x5	7=6*9,5%	8=6-7	9=2x5	10=9*9,5%	11=9-10	12=3*5	13=12*9,5%	14=12-13	15=4x5	16=8+11+14+15	17
1	Nguyễn Trung Trực	CT. UBND	4,65	0,5			2.340.000	10.881.000	1.033.695	9.847.305	1.170.000	111.150	1.058.850				0	10.906.155	VC
2	Phan Tiến Định	PCT. UBND	3,66	0,25		0,98	2.340.000	8.564.400	813.618	7.750.782	585.000	55.575	529.425				2.287.350	10.567.557	
3	Huỳnh Thanh Thao	PCT. UBND	3,66	0,3		0,99	2.340.000	8.564.400	813.618	7.750.782	702.000	66.690	635.310				2.316.600	10.702.692	
4	Nguyễn Tấn Mạnh	PCT. HĐND	3,99	0,25		1,06	2.340.000	9.336.600	886.977	8.449.623	585.000	55.575	529.425				2.480.400	11.459.448	
5	Lữ Thiện Nguyên	PTB Pháp chế HĐND	2,67	0,2		0,72	2.340.000	6.247.800	593.541	5.654.259	468.000	44.460	423.540				1.678.950	7.756.749	
6	Lê Văn Thuận	PTB KT-XH HĐND	3	0,2		0,80	2.340.000	7.020.000	666.900	6.353.100	468.000	44.460	423.540				1.872.000	8.648.640	
7	Trần Duy Khánh	Chánh VP HĐND	4,4	0,25		1,16	2.340.000	10.296.000	978.120	9.317.880	585.000	55.575	529.425				2.720.250	12.567.555	
8	Đặng Thị Thúy Thanh	Chuyên viên	3,33			0,83	2.340.000	7.792.200	740.259	7.051.941							1.948.050	8.999.991	
9	Đỗ Thị Thùy Tính	Chuyên viên	3,66			0,92	2.340.000	8.564.400	813.618	7.750.782							2.141.100	9.891.882	
10	Trần Hồng Na	Chuyên viên	2,34			0,59	2.340.000	5.475.600	520.182	4.955.418							1.368.900	6.324.318	
	Tổng Cộng		**35,36**	**1,95**	**0,00**	**8,04**		**82.742.400**	**7.860.528**	**74.881.872**	**4.563.000**	**433.485**	**4.129.515**	**0**	**0**	**0**	**18.813.600**	**97.824.987**	

Bằng chữ: (Chín mươi bảy triệu, tám trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng)

Ngày 05 tháng 9 năm 2025

Người lập bảng

Đặng Thị Kim Ngân

CHÁNH VĂN PHÒNG HĐND&UBND XÃ

VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN

Trần Duy Khánh

UBND XÃ NGUYỄN NGHIÊM
VP HĐND & UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP THÁNG 09 NĂM 2025
(Mức lương và phụ cấp theo nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính Phủ)
Ban chỉ huy Quân sự xã

Đơn vị tính: Đồng

TT	Họ Và Tên	Chức vụ	Hệ số				Lương tối thiểu	Tiền lương			Phụ cấp chức vụ			Phụ cấp thâm niên nghề			Phụ cấp công vụ	Tổng cộng còn thực nhận	Ghi chú
			Lương	PC chức vụ	PC TNN	PC công vụ		Số tiền được hưởng	Trừ 9,5% PC đóng BH	Còn thực nhận	Số tiền được hưởng	Trừ 9,5% PC đóng BH	Còn thực nhận	Số tiền được hưởng	Trừ 9,5% PC đóng BH	Còn thực nhận			
A	B	C	1	2	3	4	5	6=1x5	7=6*9,5%	8=6-7	9=2x5	10=9*9,5%	11=9-10	12=3*5	13=12*9,5%	14=12-13	15=4x5	16=8+11+14+15	17
1	Nguyễn Văn Tùng	Chỉ huy trưởng QS	3			0,75	2.340.000	7.020.000	666.900	6.353.100	0	0	0				1.755.000	8.108.100	
2	Huỳnh Văn Nhật	Chỉ huy phó QS	3			0,75	2.340.000	7.020.000	666.900	6.353.100	0	0	0				1.755.000	8.108.100	
	Tổng Cộng		**6,00**	**0,00**	**0,00**	**1,50**		**14.040.000**	**1.333.800**	**12.706.200**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**3.510.000**	**16.216.200**	

Bằng chữ: (Mười sáu triệu, hai trăm mười sáu nghìn hai trăm đồng)

Ngày 05 tháng 9 năm 2025

Người lập bảng

Đặng Thị Kim Ngân

CHÁNH VĂN PHÒNG HĐND&UBND XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN
X. NGUYỄN NGHIÊM - T. QUẢNG NGÃI

Trần Duy Khánh

UBND XÃ NGUYỄN NGHIÊM
VĂN PHÒNG HĐND&UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CHI TRẢ PHỤ CẤP ĐB HĐND THÁNG 09/2025

(Theo Thông báo số 01/TB-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND Xã Nguyễn Nghiêm)

ĐVT: Đồng

TT	HỌ VÀ TÊN	Đơn vị	Mức lương cơ sở	Định mức phụ cấp	Thành tiền	Ghi chú
1	Lê Văn Thuận	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
2	Lữ Thiện Nguyên	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
3	Đỗ Thị Thuỳ Tính	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
4	Nguyễn Tấn Mạnh	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
5	Phan Tiến Định	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
6	Huỳnh Văn Nhật	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
7	Đặng Thị Thúy Thanh	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
	Tổng cộng				**4.914.000**	

(Số tiền bằng chữ: Bốn triệu, chín trăm mười bốn nghìn đồng).

Xã Nguyễn Nghiêm, ngày 05 tháng 9 năm 2025

Người lập bảng

Đặng Thị Kim Ngân

CHÁNH VĂN PHÒNG HĐND&UBND

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN
X.NGUYỄN NGHIÊM - T.QUẢNG NGÃI

Trần Duy Khánh

UBND XÃ NGUYỄN NGHIÊM
VĂN PHÒNG HĐND&UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CHI TRẢ PHỤ CẤP ĐB HĐND THÁNG 09/2025

(Theo Thông báo số 01/TB-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND Xã Nguyễn Nghiêm)

ĐVT: Đồng

TT	HỌ VÀ TÊN	Đơn vị	Mức lương cơ sở	Định mức phụ cấp	Thành tiền	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Nam	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
2	Ng. Dương Như Thúy	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
	Tổng cộng				**1.404.000**	

(Số tiền bằng chữ: Một triệu, bốn trăm lẻ bốn nghìn đồng).

Xã Nguyễn Nghiêm, ngày 05 tháng 9 năm 2025

Người lập bảng

Đặng Thị Kim Ngân

CHÁNH VĂN PHÒNG HĐND&UBND

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN
X.NGUYỄN NGHIÊM - T.QUẢNG NGÃI

Trần Duy Khánh

UBND XÃ NGUYỄN NGHIÊM
VĂN PHÒNG HĐND&UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CHI TRẢ PHỤ CẤP ĐB HĐND THÁNG 09/2025

(Theo Thông báo số 01/TB-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND Xã Nguyễn Nghiêm)

ĐVT: Đồng

TT	HỌ VÀ TÊN	Đơn vị	Mức lương cơ sở	Định mức phụ cấp	Thành tiền	Ghi chú
1	Phạm Ngọc Thiện	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
2	Nguyễn Thị Kim Ngân	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
3	Lê Thị Hồng Diễm	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
4	Đinh Văn Hạnh	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
5	Trần Minh Cường	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
6	Nguyễn Tiến Quốc Hoàn	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
7	Đỗ Đức Vương	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
8	Phan Thị Vững	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
9	Võ Thị Ngọc Xuyến	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
10	Huỳnh Thị Lệ Thi	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
11	Lê Thị Mỹ Lộc	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
12	Phan Thị Thanh Hường	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
13	Nguyễn Thịnh	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
14	Huỳnh Xuân Bình	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
15	Nguyễn Thuận Cảnh	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
16	Nguyễn Thanh Kiều	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
17	Nguyễn Trọng Sơn	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
18	Bùi Văn Vỹ	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
19	Nguyễn Thành Tân	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
20	Nguyễn Tiến Bảy	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
21	Nguyễn Minh Đạo	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
22	Nguyễn Bình	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
23	Trần Thị Liễu	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
24	Huỳnh Quang Diệu	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
25	Trần Nhất Duy	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
26	Lê Văn Nguyện	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
27	Huỳnh Tấn Phát	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	

28	Huỳnh Văn Thi	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
29	Đặng Phong Vũ	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
30	Huỳnh Thị Lệ Trúc	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
31	Huỳnh Ngọc Ánh	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
32	Nguyễn Bình	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
33	Trần Văn Đông	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
34	Nguyễn Thành Lưu	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
35	Nguyễn Văn Đồng	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
36	Đoàn Thanh Trà	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
37	Huỳnh Ngọc Thanh	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
38	Huỳnh Thị Hằng	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
39	Nguyễn Văn Nhân	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	702.000	
	Tổng cộng				**27.378.000**	

(Số tiền bằng chữ: Hai mươi bảy triệu, ba trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Xã Nguyễn Nghiêm, ngày 05 tháng 9 năm 2025

Người lập bảng

Đặng Thị Kim Ngân

CHÁNH VĂN PHÒNG HĐND&UBND

VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN X.NGUYÊN NGHIÊM - T.QUẢNG NGÃI

Trần Duy Khánh

UBND XÃ NGUYỄN NGHIÊM
VĂN PHÒNG HĐND&UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CHI TRẢ PHỤ CẤP ĐB HĐND THÁNG 07+08+09/2025

(Theo Thông báo số 01/TB-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND Xã Nguyễn Nghiêm)

ĐVT: Đồng

TT	HỌ VÀ TÊN	Đơn vị	Mức lương cơ sở	Định mức phụ cấp	Thành tiền	Ghi chú
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3=(1*2)*3tháng*	*D*
1	Thới Hoàng Trung	Đại biểu HĐND xã	2.340.000	0,30	2.106.000	
	Tổng cộng				**2.106.000**	

(Số tiền bằng chữ: Hai triệu, một trăm lẻ sáu nghìn đồng).

Xã Nguyễn Nghiêm, ngày 15 tháng 9 năm 2025

Người lập bảng

Đặng Thị Kim Ngân

CHÁNH VĂN PHÒNG HĐND&UBND

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN NGHIÊM - T. QUẢNG NGÃI

Trần Duy Khánh